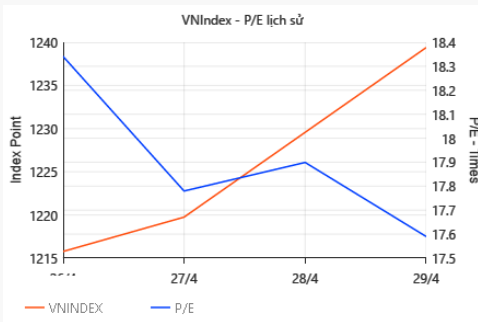
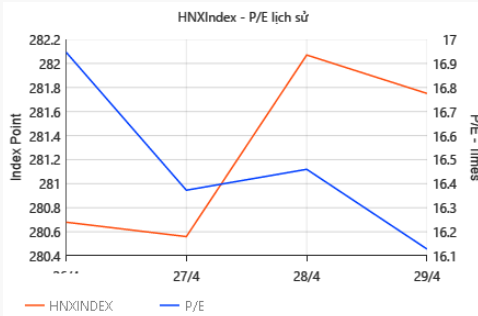


VN-INDEX



Điểm số	1,239.39
Tuần qua (WoW)	-0.73%
Từ đầu năm (YTD)	12.28%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-17.53%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-18.08%
P/E	17.59
P/B	2.55

HNX -INDEX



Điểm số	281.75
Tuần qua (WoW)	-0.66%
Từ đầu năm (YTD)	38.71%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-34.91%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-33.42%
P/E	16.13
P/B	1.67

Bộ phận Chiến lược đầu tư

BƯỚC VÀO THÁNG 5

Câu nói nổi tiếng “Sell in may and go away” trên thị trường cổ phiếu toàn cầu (có nghĩa Bán trong tháng Năm và rời thị trường) vẫn luôn được nhắc lại tại thời điểm này hàng năm nhằm nhắc nhà đầu tư về vùng trống thông tin lớn nhất trong năm trên thị trường cổ phiếu. Tuy vậy, thị trường Việt Nam có xác suất tăng/giảm trong tháng 5 của 10 năm gần nhất đang là 50%/50%. Trong bối cảnh mới chỉ có khoảng 1/3 doanh nghiệp – tương ứng khoảng 45% vốn hóa thị trường – công bố báo cáo quý 1 với mức tăng trưởng LNST khá tích cực (nhóm Ngân hàng là 86.7% yoy còn nhóm phi Ngân hàng đang là 69.5% yoy) đi cùng với đó là việc các số liệu vĩ mô tháng 4 vẫn đang duy trì ổn định, PMI tiếp tục cải thiện lên 54.7 từ 53.6 của tháng trước, hành động quá vội vàng có thể tạo ra tiếc nuối trong thời điểm hiện tại khi yếu tố cơ bản vẫn chưa đưa ra nhiều dấu hiệu rủi ro.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ IVS

Danh mục Giao dịch & Danh mục Nắm giữ: không có sự thay đổi trong tuần qua. **Danh mục theo dõi:** VTP.

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

Thị trường có tuần giảm nhưng diễn biến trong liên tiếp ba ngày cuối tuần (trên bốn ngày giao dịch cả tuần) là hồi phục. Xu hướng trung dài hạn vẫn đang được bảo toàn và nhiều cổ phiếu đã trở về vùng giá đủ thấp. Tuy nhiên, dòng tiền chưa cho thấy tâm lý hưng phấn và đó là điểm cần cân nhắc lúc này. Với quan điểm thận trọng thì chiến lược nhìn chung sẽ vẫn duy trì như tuần liền trước: các vị thế có lãi có thể tiếp tục được nắm giữ, các vị thế bất lợi cũng có thể được xem xét chờ đợi điểm đóng lợi thế hơn hoặc kỳ vọng sự trở lại của đà tăng. Việc mở mới vị thế cần cân nhắc tỉ trọng cổ phiếu/tiền mặt cụ thể cũng như những vị thế đang nắm giữ.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ IVS
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
SZC	23/04/21	1	35,750	Tăng tỷ trọng	41,000	14.7%	18.8%	-	-3.5%
HAH	02/04/21	1	24,650	Mua vào	29,800	20.9%	14.6%	-	5.5%
DHC*	30/10/20	1	45,300	Giảm tỷ trọng	50,700	17.1%	-	79.9%	110.6%
VHM*	16/11/20	1	76,600	Nắm giữ	88,315	15.3%	-	12.4%	29.6%
ACB	05/02/21	2	28,500	Mua vào	36,350	27.5%	4.9%	-	54.0%
VPB*	05/02/21	2	37,000	Nắm giữ	40,000	8.1%	-	46.3%	156.6%
MBB*	05/02/21	2	24,750	Nắm giữ	27,000	9.1%	-	12.4%	77.6%
VIB*	05/02/21	1	35,400	Mua vào	45,000	27.1%	-	23.6%	57.1%
TPB	05/02/21	1	26,700	Mua vào	34,500	29.2%	25.9%	-	2.6%
MWG	31/07/20	2	128,500	Nắm giữ	154,500	67.4%	9.7%	-	91.8%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	15.0%	-	14.0%	92.2%
SBT	08/02/20	2	20,500	Nắm giữ	24,000	16.8%	20.0%	-	8.1%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua vào	54,000	45.2%	35.3%	-	7.3%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk: Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
GMD	07/04/21	35,000 - 36,200	55,000	32,700	1:5	-5.5%
STB	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	13.8%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	2.0%
VIC*	26/03/21	109,000-114,000	145,000	107,000	1:4.5	14.9%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	1.5%
GEG	08/03/21	18,000 - 19,200	28,000	16,800	1:4	-9.4%
TIG*	05/03/21	8,300 - 9,300	15,000	8,000	1:4.5	49.5%
GAS	17/02/21	83,000 - 86,500	120,000	76,700	1:3.5	-3.5%
CNG	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	-6.1%
CCL	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	8.3%
SAM	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	-13.2%
LAF	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	7.6%
VSH	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	-1.5%
MSR	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	-5.2%
SFI	09/12/20	30,700 - 32,500	48,000	29,200	1:5	18.3%
SGP*	01/12/20	10,500 - 11,000	18,500	9,500	1:5	60.9%
PGV	23/11/20	15,000 - 16,000	25,500	13,700	1:4	5.6%
CKG*	19/11/20	10,700 - 11,200	14,300	10,300	1:3.5	59.2%
DRI*	20/10/20	5,000 - 5,500	10,500	4,200	1:4	72.7%

Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
BCG	12/04/21	14,900 – 15,500	21,500	13,600
DIG	08/04/21	30,000 – 31,000	47,000	27,100
CEO	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900
FCN	08/03/21	14,000 – 15,000	22,000	13,400
PVD	05/03/21	23,500 – 25,500	40,000	21,900

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Ở thời điểm hiện tại tỷ trọng cổ phiếu sẽ tùy thuộc vào khẩu vị rủi ro của từng nhà đầu tư để chịu đựng mức biến động lớn do thị trường có thể cần một số phiên giảm mạnh để cổ phiếu về vùng hấp dẫn đối với lực mua bắt đáy.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Tuần kết thúc đợt tái cấu trúc của ETF theo chỉ số VNDiamond cũng đánh dấu là tuần điều chỉnh nhẹ đầu tiên của thị trường sau 4 tuần tăng liên tiếp, tuy nhiên không nên quá bi quan khi đã giảm chỉ do phiên đầu tuần trong khi 3 ngày còn lại thị trường đã duy trì đà tăng và có phần bị kiềm chế lại bởi tâm lý e ngại đợt nghỉ lễ trong bối cảnh thông tin về các ca nhiễm covid, chủng covid mới xuất hiện tại Việt Nam bắt đầu dày đặc hơn.

Tuần qua cũng xác nhận đà mua ròng mạnh và liên tục trở lại của khối ngoại, có lẽ chủ yếu đến từ ETF Đài Loan Fubon. Tính chung cả tháng 4, khối ngoại đã mua ròng với khối lượng nhỏ 71.4 tỷ trên HOSE và 280.1 tỷ trên HNX. Kết quả này đã chấm dứt 6 tháng bán ròng liên tiếp của khối ngoại với tổng giá trị gần 27.32 ngàn tỷ đồng.

THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU

Các chỉ số chính có thay đổi không đáng kể trong tuần lễ cuối tháng 4. Bước vào tháng Năm, câu hỏi về tâm lý chung Sell in May and go away lại xuất hiện, đặc biệt sau đợt tăng điểm khá dài và mạnh mẽ từ đáy của covid19.

Nền kinh tế Mỹ vẫn đang cho thấy sự hồi phục khá mạnh và tăng tốc trong Quý 1 vừa rồi ở mức 6.4% quy đổi theo năm, vượt qua con số 4.3% cùng kỳ năm trước. Sự hồi phục được hình thành nhờ tiêu dùng cá nhân tăng mạnh và nhiều ngành nghề trong nền kinh tế được mở cửa trở lại. Các chính sách nới lỏng tiền tệ và tài khóa đang cho thấy sự hỗ trợ để giúp kinh tế hồi phục nhanh, nhưng cũng là 1 trong những tác nhân trực tiếp đẩy giá của hầu hết các loại hàng hóa tăng mạnh mẽ và sẽ sớm tạo áp lực lạm phát tới nhiều quốc gia.

Ấn Độ tiếp tục là điểm nóng Covid-19 và đang nhận được sự viện trợ, hỗ trợ từ khắp nơi trên thế giới. Con số báo cáo khổng lồ về số lượng bệnh nhân (khoảng 385,000 ca/ngày) hiện giờ vẫn còn có thể thấp hơn đáng kể so với thực tế, đẩy hệ thống y tế của quốc gia có dân số lớn thứ 2 thế giới tới mức báo động.

VNINDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần giảm nhẹ 0.7%, mở cửa cao hơn đóng cửa tuần trước đó một chút và là mức cao nhất tuần, đóng cửa thấp hơn mở cửa không quá nhiều và cao hơn nhiều so với mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình. Về diễn biến cụ thể theo ngày, chỉ số chung có ngày giảm mạnh đầu tuần và tiếp tục giảm trong phần đầu ngày thứ ba trước khi hồi phục và đóng cửa xanh nhẹ, đà hồi phục được tiếp diễn trong 2 ngày còn lại của tuần, diễn biến cuối ngày luôn là tăng.

Thị trường hồi phục nhờ áp lực bán không đủ mạnh, tuy nhiên lực mua lúc này vẫn chưa thực sự cho thấy khả năng đưa xu hướng tăng trung hạn quay trở lại. Một yếu tố hỗ trợ tác động trực tiếp khiến tâm lý thị trường hưng phấn và sẵn

sàng mua giá cao là điều cần thiết, hoặc nếu không thì có thể là một cú retest trở lại vùng giá hấp dẫn để chính thức xác nhận tạo đáy cứng qua đó thu hút dòng tiền. Nhưng dù là trường hợp nào diễn ra, kịch bản cơ sở vẫn duy trì tích cực.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,070
	1,120 – 1,130
	1,150 – 1,160
	1,200
Kháng cự	1,300 – 1,350

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
ACB*	28/9/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	5/2/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/9/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	5/2/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/9/20	1 / 2	17,087	20,000	17.0%	44.8%	5/2/21	27,000	+35.0%
SBT*	2/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	8/2/21	24,000	+8.1%
MWG*	31/7/20	1 / 2	73,470	123,000	67.4%	74.9%	8/2/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/7/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	8/2/21	86,000	+15.9%

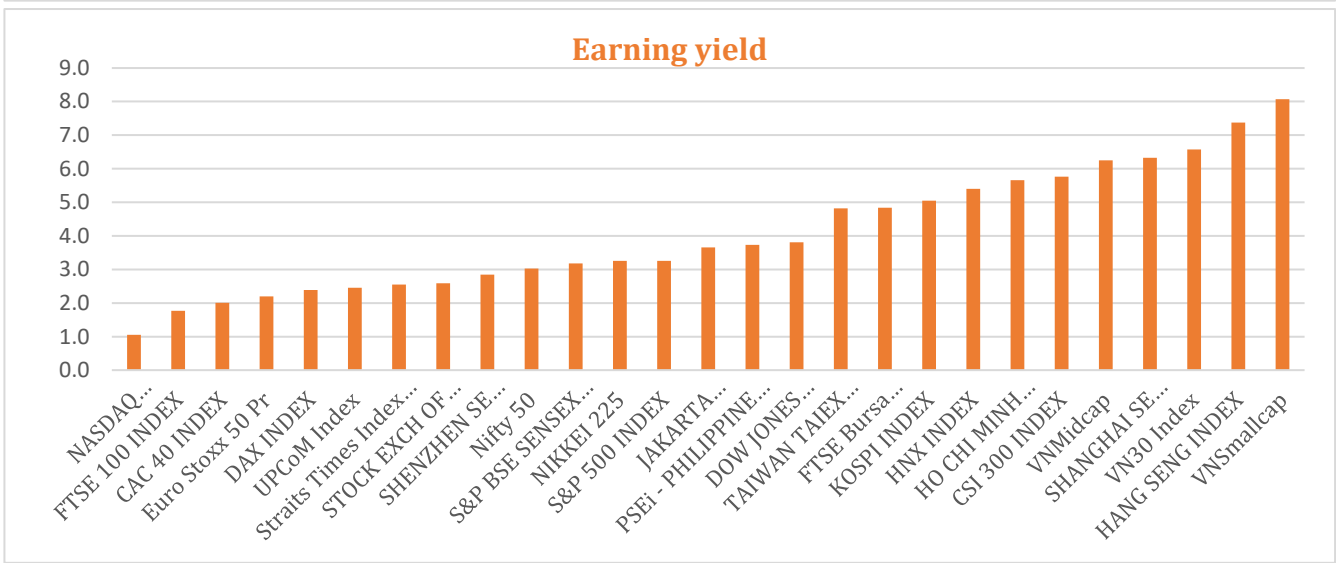
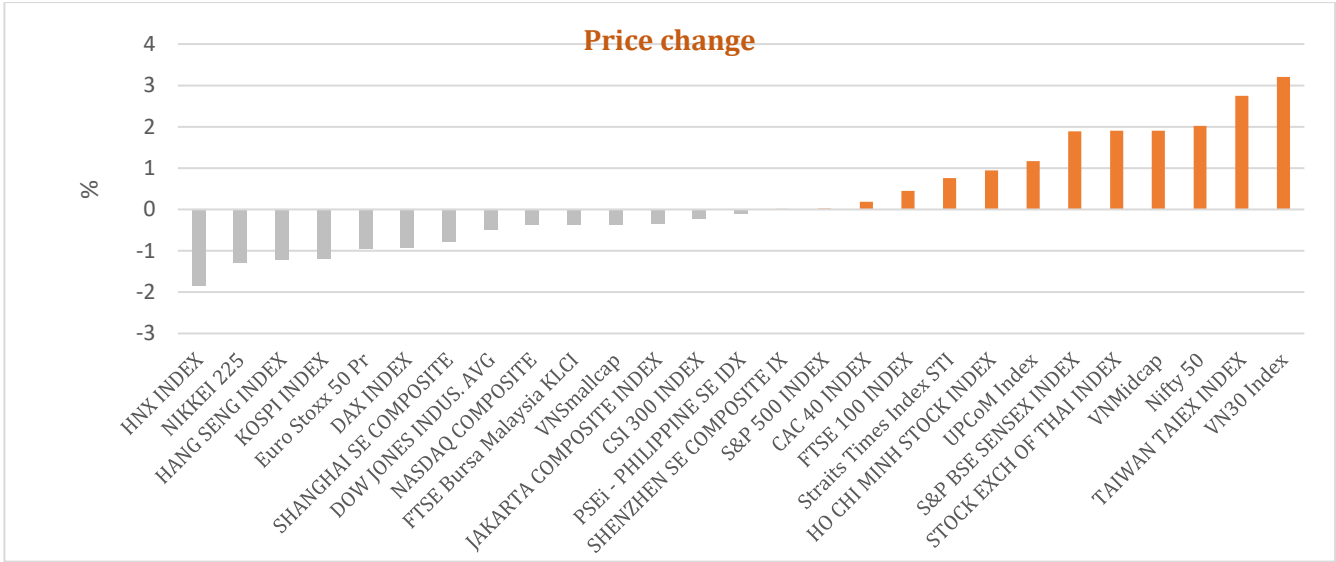
(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

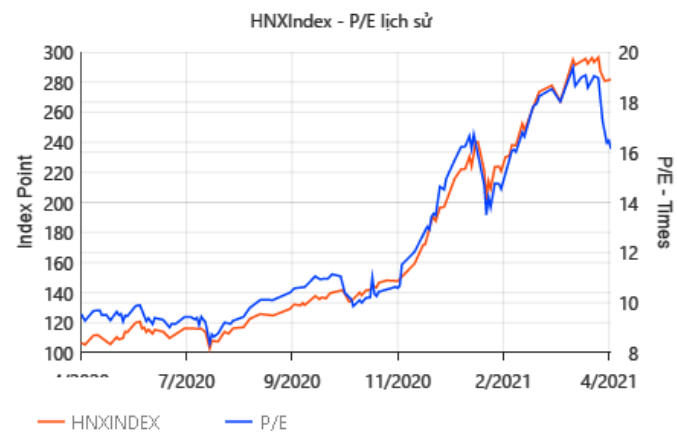
Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

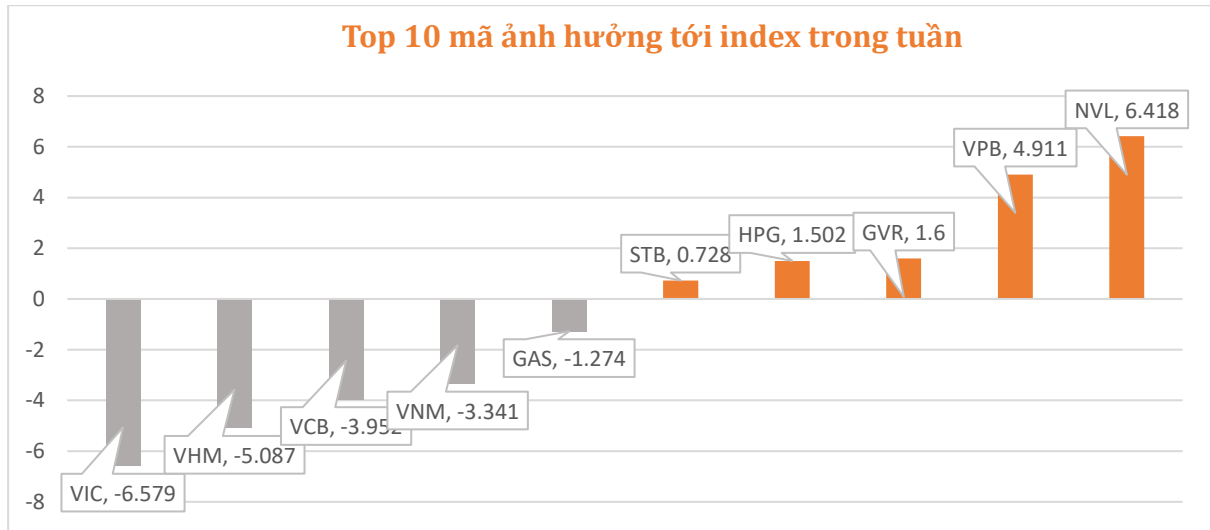
BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN



ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)

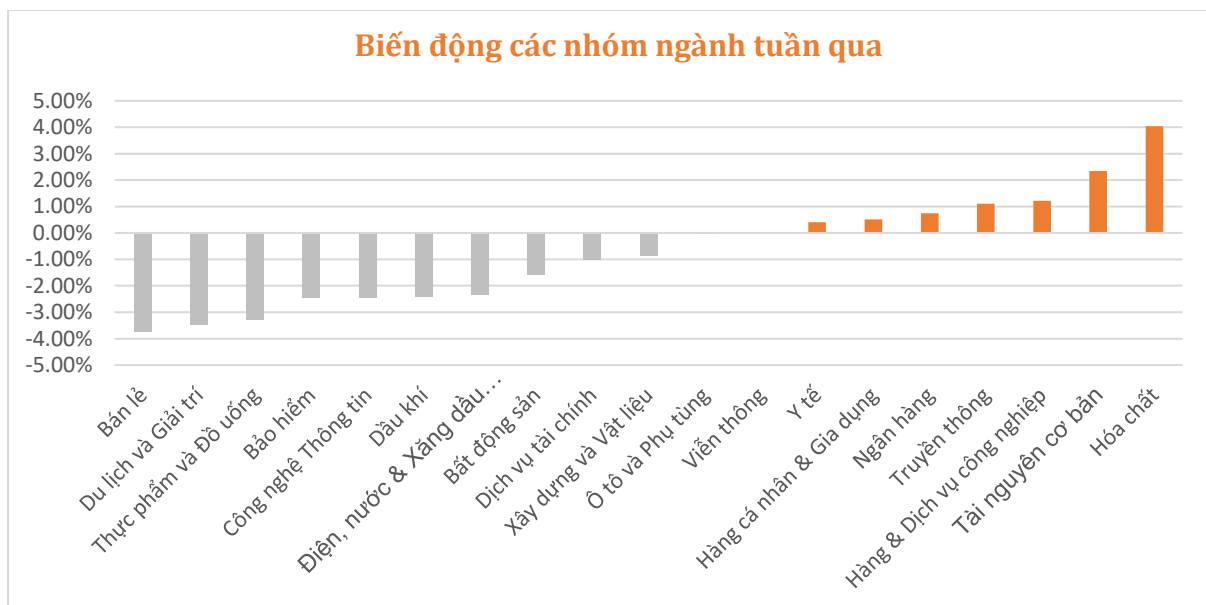


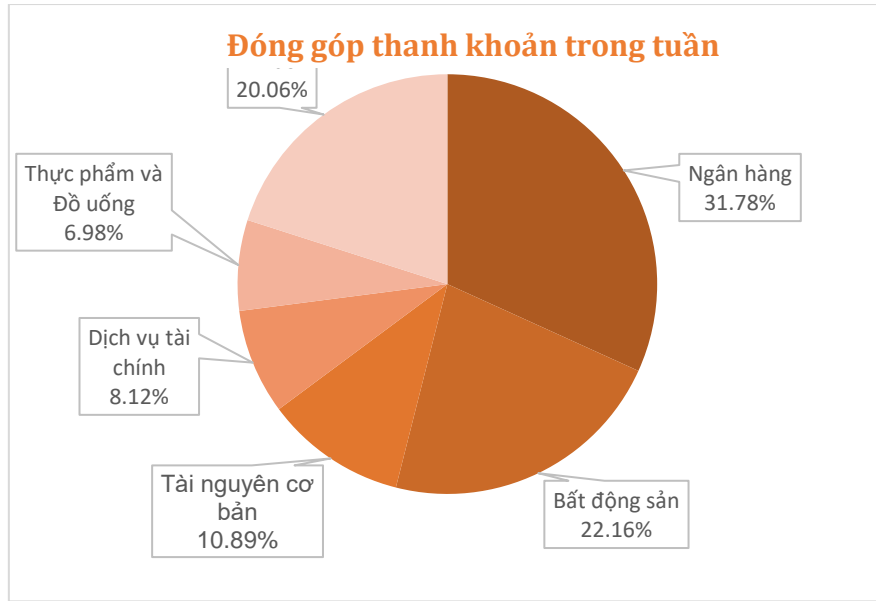
CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/ KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
STB	48.9	HPG	1,330.3	VPB	3.03x	TSC	26.0%	ROS	-18.0%
ROS	34.4	VPB	1,202.9	KDH	2.95x	PSH	22.6%	ART	-17.0%
FLC	29.1	STB	1,132.0	PSH	2.91x	NVL	22.5%	IDJ	-11.3%
HQC	26.2	VHM	669.4	SHI	2.53x	VPB	19.4%	ABS	-10.3%
HPG	23.7	CTG	477.8	ABS	2.40x	CRE	16.5%	KLF	-9.8%

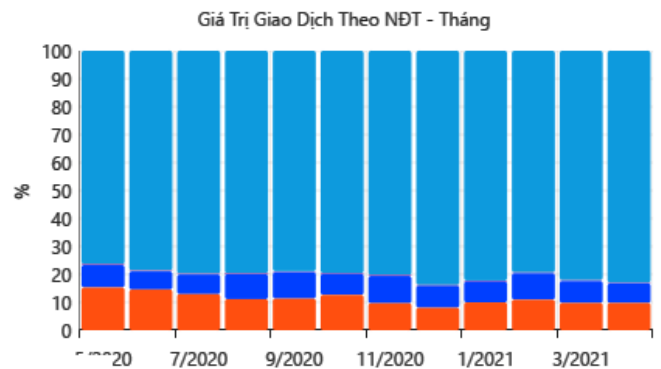
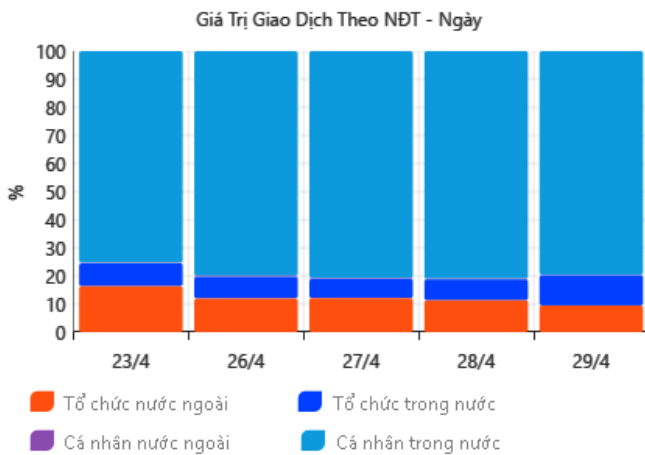
NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





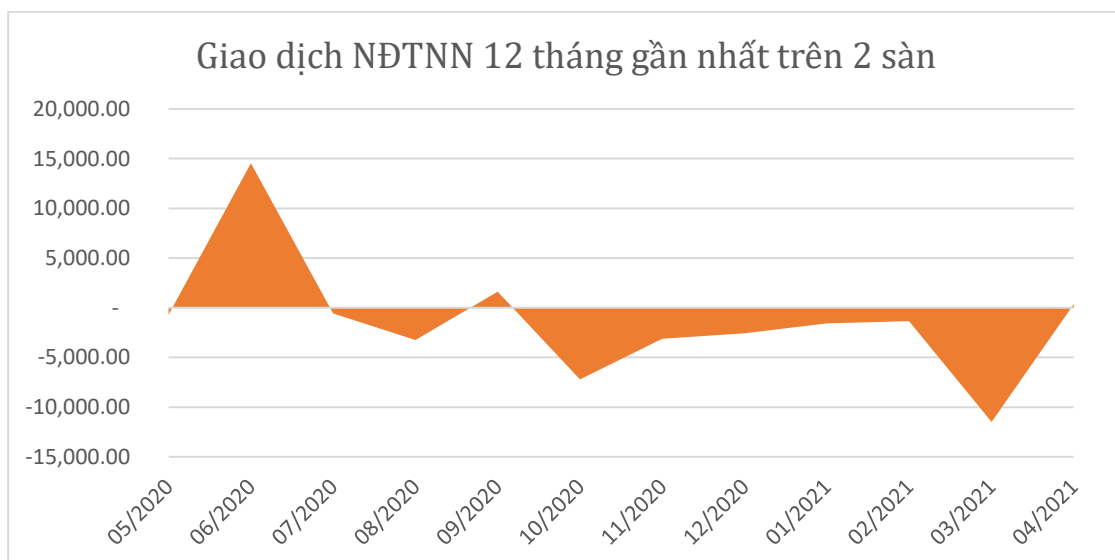
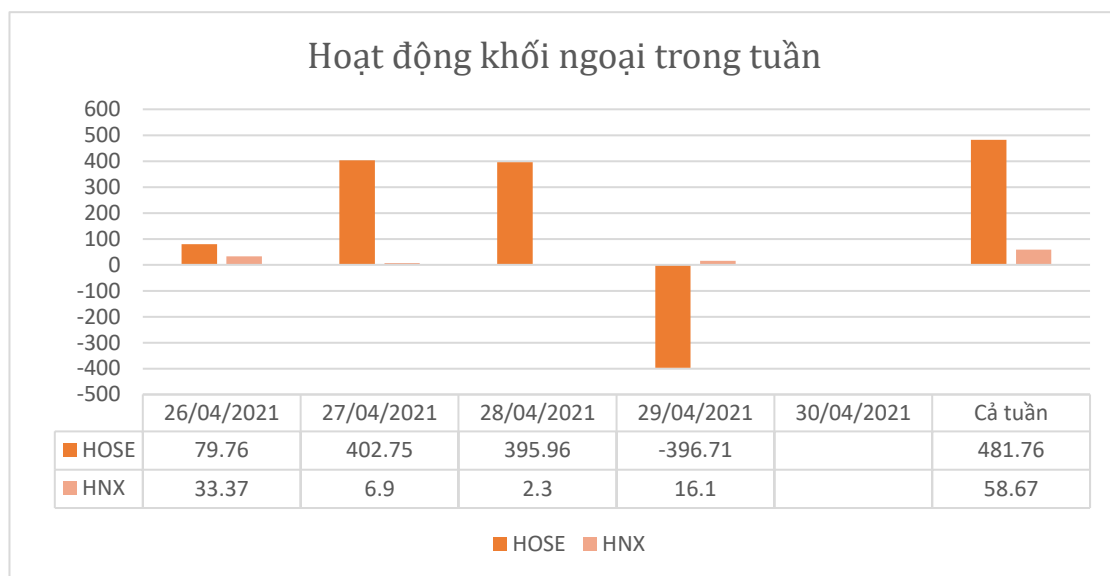
ĐÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG
GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	5.64%	10,535.22	MWG	-1.12%	3,819.48
STB	13.81%	9,883.17	HPG	5.64%	2,694.11
VPB	19.39%	7,427.01	VPB	19.39%	2,634.62
VHM	-3.69%	5,070.51	VNM	-4.59%	2,489.28
TCB	3.27%	4,345.43	VIC	-5.62%	2,105.46



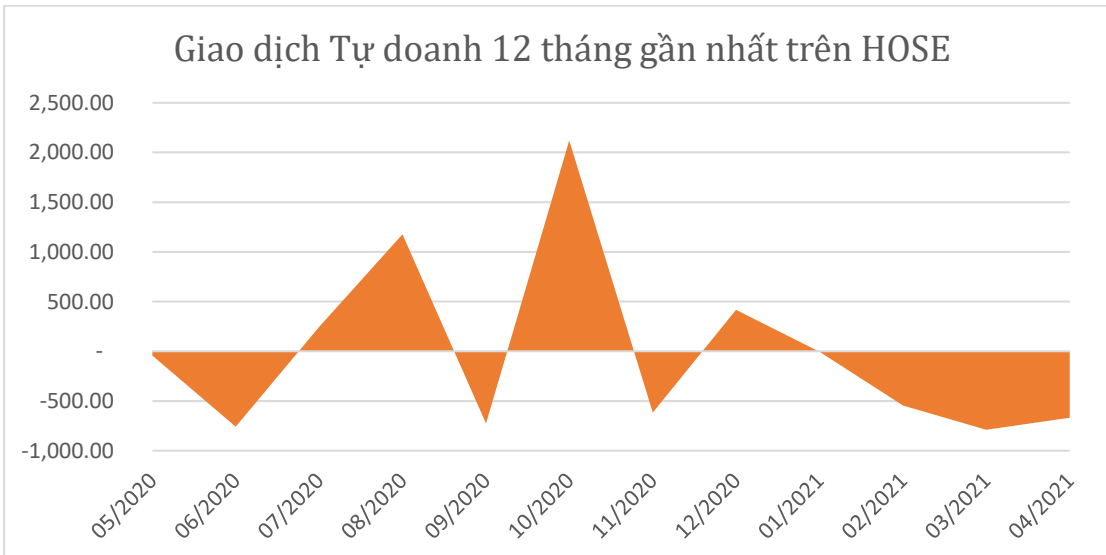
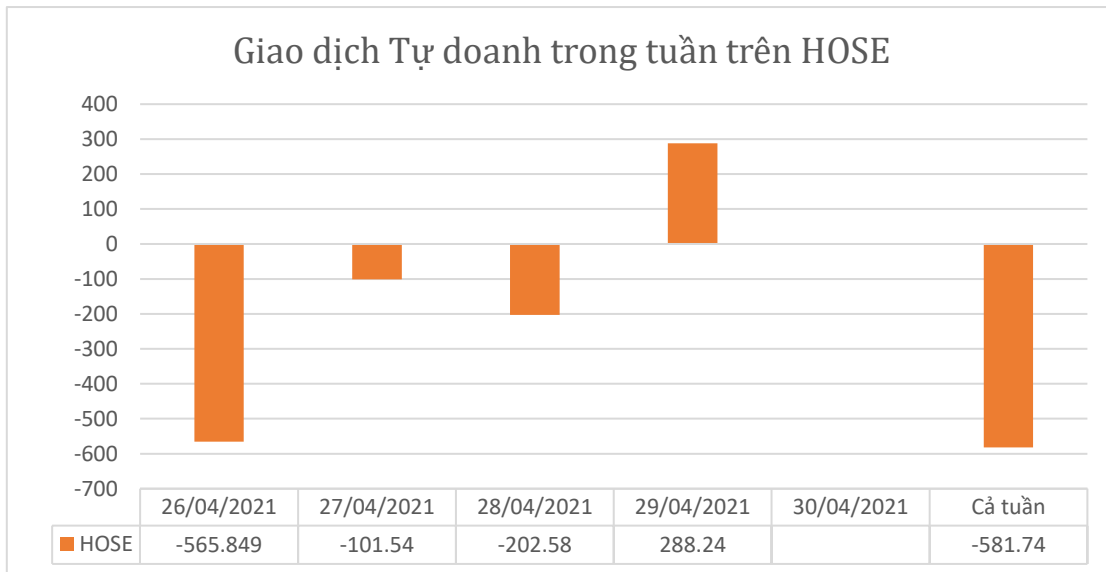
KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
FUEVFNVD	5.64%	358.99	VPB	19.39%	1,212.28
STB	13.81%	337.66	VNM	-4.59%	233.54
VHM	-3.69%	279.97	VRE	-0.62%	186.65
NVL	22.46%	276.17	CTG	4.21%	118.06
MSN	-0.20%	264.56	PLX	-1.37%	95.03



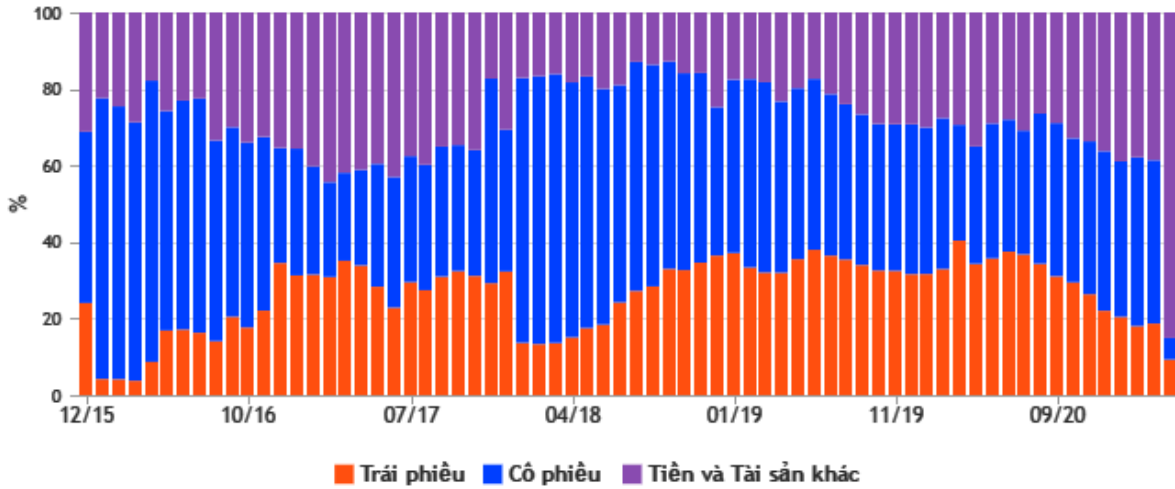
HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH CỦA CÁC CTCK TRÊN HOSE

Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
LPB	14.36%	173.87	FUEVFVND	5.64%	365.40
VIC	-5.62%	90.59	VPB	19.39%	126.28
GMD	6.88%	57.46	NVL	22.46%	114.75
STB	13.81%	56.64	VHM	-3.69%	113.70
VIB	4.32%	43.39	HPG	5.64%	109.67

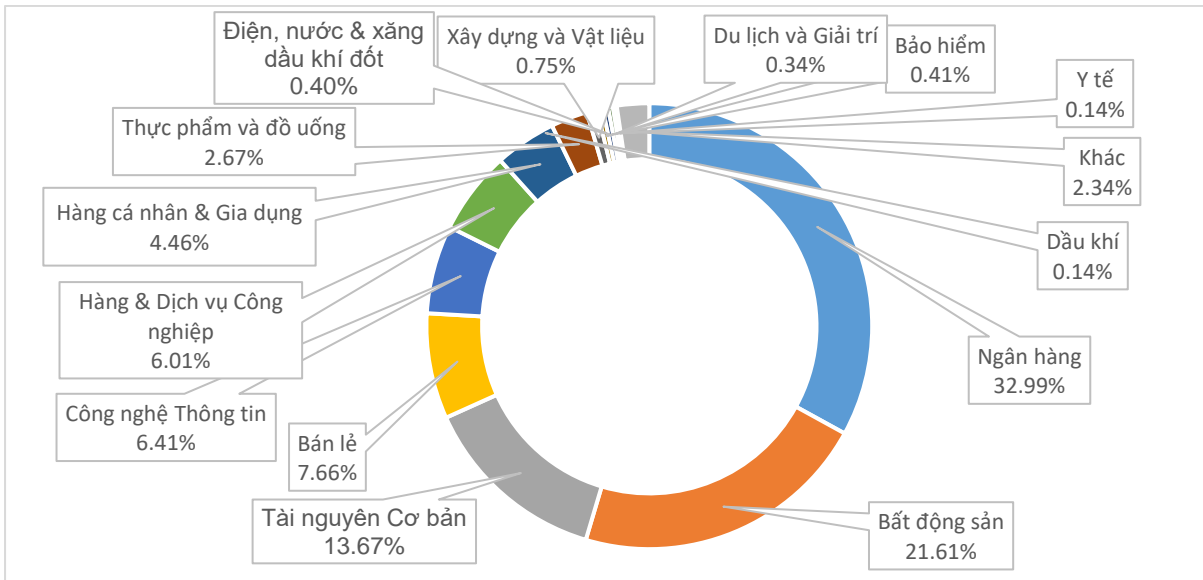


TỔ CHỨC (40 quỹ do finpro platform theo dõi)

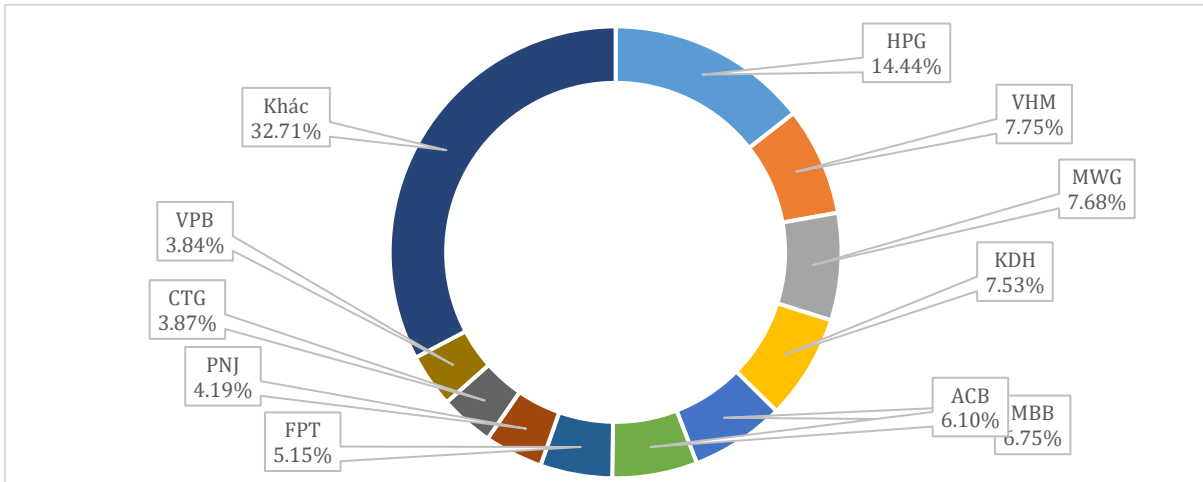
Phân bố tài sản



Phân bố các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



LỊCH SỰ KIỆN TUẦN TỚI

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày thực hiện
TMC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (900 đ/cp)	04/05/21	05/05/21	18/05/21
BTV	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	04/05/21	05/05/21	04/05/21
VDN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	04/05/21	05/05/21	04/05/21
CAN	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	04/05/21	05/05/21	04/05/21
T12	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	04/05/21	05/05/21	04/05/21
PSC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200 đ/cp)	04/05/21	05/05/21	28/05/21
SKV	Upcom	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020	04/05/21	05/05/21	04/05/21
L62	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	04/05/21	05/05/21	04/05/21
S55	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	04/05/21	05/05/21	25/05/21
KLM	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	04/05/21	05/05/21	04/05/21
TIG	HNX	Giao dịch 24.000.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung	04/05/21	04/05/21	04/05/21
VIG	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	05/05/21	06/05/21	05/05/21
CAB	Upcom	Đại hội cổ đông thường niên năm 2021	05/05/21	06/05/21	05/05/21
FCM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			06/05/21
BSI	HSX	Giao dịch đầu tiên 122.070.078 CP chuyển giao dịch			06/05/21
CTF	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	06/05/21	07/05/21	06/05/21
HVX	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			06/05/21
FCM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			06/05/21
TVG	Upcom	ĐHĐCĐ thường niên lần thứ XV năm 2021	06/05/21	07/05/21	06/05/21
ASG	HSX	Giao dịch đầu tiên 63.044.964 CP chuyển giao dịch			07/05/21
SBA	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	07/05/21	10/05/21	25/06/21
LDG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần 2	07/05/21	10/05/21	07/05/21
DGC	HSX	Trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 20:3)	07/05/21	10/05/21	07/05/21
HNG	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2021	07/05/21	10/05/21	07/05/21
HPX	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	07/05/21	10/05/21	07/05/21
STG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	07/05/21	10/05/21	11/06/21
CTI	HSX	ĐHĐCĐ thường niên 2021			07/05/21
ONE	HNX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	07/05/21	10/05/21	18/06/21
DHG	HSX	Trả cổ tức bằng tiền năm 2020 (4.000 đ/cp)	07/05/21	10/05/21	18/05/21
TDS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	07/05/21	10/05/21	28/05/21
HDW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	07/05/21	10/05/21	07/05/21
NVT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	07/05/21	10/05/21	07/05/21
GDT	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020			08/05/21

XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

 Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

 Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

Xếp loại	Định nghĩa
Khả quan	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém khả quan	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. IVS Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. IVS và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. IVS không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của IVS tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của IVS. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

IVS RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY				
Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@ivs.com.vn	704
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@ivs.com.vn	703
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungtth@ivs.com.vn	706
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@ivs.com.vn	
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@ivs.com.vn	709

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM	LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
 VIETNAM INVESTMENT SECURITIES COMPANY	Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073 Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999 Email: ivs@ivs.com.vn Website: www.ivs.com.vn	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower Điện thoại: (024) 35.730.073 Fax: (024) 35.730.088	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM Điện thoại: (028) 38.239.966 Fax: (028) 38.239.696